TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-3-2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga
Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Vân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Quãng An N, sinh năm 1997, địa chỉ: T 4, xã NL, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Bị đơn: Ông Tạ Công N, sinh năm 1996, địa chỉ: T 2, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 27-10-2022, các bản tự khai ngày 14-11-2022, ngày 27-11-2022, ngày 08-12-2022, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Quãng An N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tạ Công N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 31 tháng 01 năm 2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không còn. Bà và ông N đã không sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tạ Công N.

- Về con chung: Bà và ông Tạ Công N có 01 con chung là cháu Tạ Công P, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2018. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao cháu P cho bà được trực tiếp nuôi con, bà không yêu cầu ông Tạ Công N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 15-12-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Tạ Công N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất yêu cầu ly hôn của bà Lê Quãng An N.

- Về con chung: Thống nhất giao cháu Tạ Công P sinh ngày 30 tháng 11 năm 2018 cho bà Lê Quãng An N trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về quan hệ tranh chấp đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thời gian giải quyết vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Vấn đề thu thập chứng cứ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Quãng An N. Bà Lê Quãng An N được ly hôn ông Tạ Công N.

- Về con chung: Bà Lê Quãng An N và ông Tạ Công N có 01 con chung Tạ Công P, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2018. Khi ly hôn bà N trực tiếp nuôi con, ông Tạ Công N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tạ Công N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Quãng An N và ông Tạ Công N tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 31 tháng 01 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc sinh được một con. Sau đó bà N và ông N trong cuộc sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà Nhi và ông N bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ đó bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tạ Công N. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà N chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Quãng An N, bà Lê Quãng An N ly hôn với ông Tạ Công N.

[3] Về con chung: Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Tạ Công P, sinh ngày 30-11-2018, và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện nay cháu P đang ở với bà N sức khỏe vẫn tốt. Bà N có công việc thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu P. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, khi ly hôn bà N trực tiếp nuôi con. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí vụ án hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nhi phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Quãng An N.

1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Quãng An N ly hôn với ông Tạ Công N.

2- Về con chung: Bà Lê Quãng An N trực tiếp nuôi con Tạ Công P, sinh ngày 30-11-2018. Ông Tạ Công N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4- Về nợ chung: Không có.

5- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Bà Lê Quãng An N phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004204 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND P. Trần Phú, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng